Điều 25.- Khi có khiếu nại về kết quả kiểm tra chất lượng thức ăn, cơ quan quản lý Nhà nước về chất lượng thức ăn cấp trên một cấp xem xét giải quyết, nếu người khiếu nại không đồng ý với kết luận giải quyết đó thì có thể đề nghị cơ quan quản lý Nhà nước về thức ăn chăn nuôi của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc Bộ Thủy sản xem xét giải quyết theo chức năng, quyền hạn của mình. Kết luận của cơ quan quản lý Nhà nước về chất lượng thức ăn chăn nuôi của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc Bộ Thủy sản là kết luận cuối cùng.

Điều 26.- Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thức ăn chăn nuôi phải nộp lệ phí, phí tổn cho việc kiểm tra chất lượng thức ăn.

Điều 27.- Khi sản phẩm thức ăn chăn nuôi không đạt tiêu chuẩn chất lượng, thì cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền có quyền đình chỉ xuất xưởng, đình chỉ việc tiêu thụ sản phẩm. Thức ăn chăn nuôi không bảo đảm an toàn cho vật nuôi thì bị thu hồi và thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng.

Điều 28.- Tổ chức, cá nhân có thành tích về quản lý thức ăn chăn nuôi, nghiên cứu khoa học, sản xuất, kinh doanh thức ăn chăn nuôi sẽ được khen thưởng.

Người có hành vi vi phạm các quy định trong Nghị định này, tùy theo mức độ gây thiệt hại cho Nhà nước và cho tổ chức, cá nhân sẽ bị xử phạt và bồi thường vật chất theo quy định của pháp luật.

Điều 29.- Cơ quan quản lý Nhà nước và người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính về kiểm tra chất lượng thức ăn chăn nuôi mà vi phạm các quy định về xử phạt hoặc xử phạt không đúng thẩm quyền thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý từ hình thức kỷ luật hành chính đến truy cứu trách nhiệm hình sự, nếu gây thiệt hại về vật chất cho Nhà nước, tổ chức hoặc cá nhân thì phải bồi thường.

Điều 30.- Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Những quy định trước đây trái với Nghị định này đều bãi bỏ.

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Thủy sản theo chức năng và quyền hạn của mình phối hợp với các cơ quan có liên quan hướng dẫn và đôn đốc, kiểm tra thi hành Nghị định này.

Điều 31.- Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng các cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi nann Nghị định này.

T.M. Chính phủ
K.T. Thủ tướng
Phó Thủ tướng
PHAN VĂN KHẢI

NGHỊ ĐỊNH của Chính phủ số 16-CP ngày 20-3-1996 quy định việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý Nhà nước về hải quan.

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Căn cứ Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính ngày 6 tháng 7 năm 1995;

Căn cứ Pháp lệnh Hải quan ngày 20 tháng 2 năm 1990;

Xét đề nghị của Tổng Cục trưởng Tổng cục Hải quan,

NGHỊ ĐỊNH:

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1.-

1. Vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý Nhà nước về hải quan, bao gồm:

a) Vi phạm các quy định về thủ tục hải quan;

b) Vi phạm các quy định về giám sát, kiểm tra, kiểm soát hải quan;

c) Vi phạm các quy định về xuất khẩu, nhập khẩu hoặc quá cảnh đối với hàng hóa, hành lý, bưu phẩm, bưu kiện, ngoại hối, tiền Việt Nam và những vật phẩm khác (dưới đây gọi chung là hàng hóa, vật phẩm) và phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh Việt Nam;

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

d) Hành vi buôn lậu hoặc vận chuyển trái phép hàng hóa, tiền tệ qua biên giới Việt Nam chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự.

2. Cá nhân, tổ chức quy định tại Điều 5 Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính thực hiện vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý Nhà nước về hải quan đều bị xử phạt theo quy định của Nghị định này.

Điều 2.- Việc xử phạt vi phạm hành chính, áp dụng các biện pháp ngăn chặn và đảm bảo việc xử lý vi phạm hành chính về hải quan phải tuân thủ các nguyên tắc, trình tự thủ tục và thẩm quyền quy định tại Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính.

Điều 3.- Để đảm bảo việc xử phạt có căn cứ chứng lý, công minh, các cơ quan Nhà nước, tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội và cá nhân có trách nhiệm cung cấp các tài liệu liên quan đến hàng hóa, đồ vật xuất khẩu, nhập khẩu; phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh vi phạm hành chính về hải quan khi cơ quan Hải quan yêu cầu.

Điều 4.-

1. Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý Nhà nước về hải quan là 2 năm kể từ ngày vi phạm hành chính được thực hiện. Nếu quá thời hạn nói trên thì không xử phạt, nhưng có thể áp dụng các biện pháp sau đây:

a) Buộc khôi phục tình trạng ban đầu đã bị thay đổi do vi phạm hành chính gây ra;

b) Buộc khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường sống, lây lan dịch bệnh do vi phạm hành chính gây ra;

c) Buộc tiêu hủy vật phẩm gây hại cho sức khỏe con người, văn hóa phẩm độc hại.

2. Đối với cá nhân đã bị khởi tố, truy tố hoặc đã có quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục tố tụng hình sự mà có quyết định đình chỉ điều tra hoặc đình chỉ vụ án, nếu xét hành vi vi phạm phải xử phạt vi phạm hành chính về hải quan thì xử phạt theo quy định của Nghị định này; thời hiệu xử phạt hành chính là 3 tháng, kể từ ngày có quyết định đình chỉ điều tra hoặc đình chỉ vụ án.

3. Trong thời hạn được quy định tại Khoản 1 và 2 Điều này, nếu cá nhân, tổ chức có hành vi vi phạm hành chính mới về hải quan hoặc cố tình trốn tránh, cản trở việc xử phạt thì không áp dụng thời hiệu nói tại Khoản 1 và 2 Điều này.

Điều 5.- Những trường hợp bất khả kháng:

1. Hàng hóa, phương tiện vận tải đưa vào Việt Nam do bất khả kháng, nếu khai báo đầy đủ với Hải quan thì không bị xử phạt, nhưng trong vòng 30 ngày phải đưa hàng hóa ra khỏi Việt Nam, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác. Mọi trường hợp không khai báo đều bị xử phạt theo điểm i Khoản 6 Điều 12 Nghị định này.

2. Việc nhầm lẫn trong quá trình gửi hàng hóa, vật phẩm, xuất khẩu, nhập khẩu sẽ không xử phạt khi người gửi hàng đã khai báo đầy đủ trước thời điểm đăng ký tờ khai hải quan và trước khi phương tiện vận tải hàng hóa, vật phẩm được hoàn thành thủ tục nhập cảnh. Quy định tại Khoản này không áp dụng đối với hàng hóa, vật phẩm cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu.

Chương II

CÁC HÌNH THỨC XỬ PHẠT ĐỐI VỚI CÁ NHÂN, TỔ CHỨC VI PHẠM HÀNH CHÍNH VỀ HẢI QUAN

Điều 6.- Vi phạm quy định về thời gian khai báo, làm thủ tục hải quan:

1. Cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 50.000 đồng đến 200.000 đồng đối với một trong các vi phạm sau đây:

a) Không thực hiện đúng thời gian đã đăng ký làm thủ tục hải quan;

b) Không đến khai báo để làm thủ tục hải quan đúng thời hạn theo quy định của pháp luật.

2. Phạt tiền từ 200.000 đồng đến 500.000 đồng đối với một trong các vi phạm sau đây:

a) Không thông báo hoặc thông báo không đúng thời gian đến và đi của phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh theo quy định của pháp luật;

b) Tạm nhập, tái xuất; tạm xuất, tái nhập hàng hóa, vật phẩm, phương tiện vận tải không đúng thời gian ghi trong giấy phép, tờ khai hải quan hoặc các giấy tờ thay thế khác theo quy định của pháp luật.

3. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các vi phạm sau đây:

a) Không đến làm thủ tục hải quan sau 45 ngày, kể từ ngày phương tiện vận chuyển hàng hóa, vật phẩm đã hoàn thành thủ tục nhập cảnh;

b) Để quá thời hạn 10 ngày không tái xuất hàng hóa, vật phẩm buộc phải tái xuất.

Điều 7.- Vi phạm quy định về niêm phong và áp tải hải quan:

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

1. Phạt tiền từ 200.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với một trong các vi phạm sau đây:

a) Niêm phong hải quan không còn nguyên vẹn khi xuất trình đối tượng kiểm tra, giám sát hải quan;

b) Không bảo quản nguyên vẹn niêm phong kho hàng hóa, bao gói, đồ vật, phương tiện vận tải đang chịu sự giám sát hải quan.

2. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi tự ý di chuyển phương tiện vận tải, hàng hóa, vật phẩm do Hải quan áp tải.

3. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi tự ý mở niêm phong lấy hàng hóa hoặc thay đổi chủng loại, số lượng, chất lượng hàng hóa, vật phẩm mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự.

4. Nếu tái phạm hoặc vi phạm nhiều lần Khoản 2, Khoản 3 Điều này, ngoài việc phạt tiền, cá nhân, tổ chức còn bị tạm đình chỉ làm thủ tục xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh trong thời hạn 30 ngày.

Điều 8.- Vi phạm quy định về trao đổi hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu của cư dân biên giới:

1. Cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 50.000 đồng đến 200.000 đồng đối với cư dân trong khu vực biên giới có một trong các vi phạm sau đây:

a) Mang qua biên giới hàng hóa, vật phẩm không đúng tuyến đường và cửa khẩu quy định;

b) Mang qua biên giới hàng hóa, vật phẩm không thuộc diện Nhà nước cho phép được trao đổi;

c) Mang hàng hóa, vật phẩm trao đổi qua biên giới vượt định lượng Nhà nước quy định.

2. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng nếu số hàng hóa, vật phẩm mang qua biên giới vượt tiêu chuẩn quy định có trị giá trên 10.000.000 đồng.

3. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi mang qua biên giới hàng hóa, vật phẩm thuộc loại cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự.

4. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với người không phải là cư dân trong khu vực biên giới, lợi dụng quy định về trao đổi hàng hóa của cư dân biên giới để xuất khẩu, nhập khẩu trái phép.

5. Vi phạm quy định tại điểm b Khoản 1, Khoản 3 và Khoản 4 Điều này ngoài việc phạt tiền còn bị tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm.

Điều 9.- Vi phạm quy định tiêu chuẩn hành lý, quà biếu xuất khẩu, nhập khẩu:

1. Phạt tiền từ 50.000 đồng đến 200.000 đồng đối với hành vi xuất khẩu, nhập khẩu hành lý, quà biếu vượt quá tiêu chuẩn Nhà nước quy định mà số lượng vượt tiêu chuẩn thuộc diện hàng hóa nhập khẩu theo hạn ngạch, giấy phép hoặc kế hoạch định hướng.

2. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 2.000.000 đồng nếu vi phạm quy định tại Khoản 1 Điều này mà tang vật vi phạm là hàng hóa, vật phẩm xuất khẩu, nhập khẩu có trị giá tương đương 10.000.000 đồng trở lên.

3. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các vi phạm sau đây:

a) Xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa, vật phẩm sau ngày có hiệu lực của quyết định tạm ngừng xuất khẩu, nhập khẩu hoặc trái với các quy định khác về xuất khẩu, nhập khẩu.

b) Vi phạm quy định tại Khoản 1 Điều này mà tang vật vi phạm có trị giá trên 20.000.000 đồng.

c) Xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa, vật phẩm thuộc danh mục hàng hóa cấm xuất khẩu, nhập khẩu mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự.

4. Cá nhân, tổ chức vi phạm điểm c Khoản 3 Điều này, ngoài việc phạt tiền còn bị buộc tái xuất ra khỏi Việt Nam hoặc đình chỉ xuất khẩu hoặc tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm; thu hồi giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu.

Điều 10.- Vi phạm quy định về xuất khẩu, nhập khẩu tài sản di chuyển, tài sản thừa kế.

1. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với hành vi xuất khẩu, nhập khẩu tài sản di chuyển, tài sản thừa kế không có giấy phép theo quy định.

2. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi xuất khẩu, nhập khẩu tài sản di chuyển, tài sản thừa kế thuộc loại Nhà nước cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu.

3. Vi phạm quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều này, ngoài việc phạt tiền còn bị đình chỉ xuất khẩu hoặc buộc tái xuất vật phẩm là tài sản di chuyển hoặc tài sản thừa kế.

Điều 11.- Vi phạm quy định về kiểm soát hải quan:

1. Phạt tiền từ 200.000 đồng đến 500.000 đồng đối với một trong các vi phạm sau đây:

a) Người không có nhiệm vụ tự ý lên, xuống phương tiện vận tải đang chịu sự kiểm tra hải quan.

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

b) Phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh Việt Nam không dừng đúng các địa điểm quy định để làm thủ tục hải quan.

2. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với tầu biển vận chuyển hàng xuất khẩu, nhập khẩu trên các tuyến đường quốc tế cập bến trái cảng mà không thông báo trước cho cơ quan Hải quan.

3. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các vi phạm sau đây:

a) Tự ý cập mạn tầu, thuyền và phương tiện vận tải chở hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu đang chịu sự kiểm tra, giám sát hải quan;

b) Không chấp hành hiệu lệnh của Hải quan khi di chuyển phương tiện vận tải trong khu vực kiểm soát hải quan;

c) Trì hoãn hoặc gây khó khăn khi Hải quan yêu cầu mở nơi để hàng hóa, vật phẩm xuất khẩu, nhập khẩu; buồng máy, nơi làm việc và những khu vực khác của phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh để kiểm tra hải quan hoặc khám xét theo thủ tục hành chính.

4. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các vi phạm sau đây:

a) Phương tiện vận tải chở hàng hóa, vật phẩm xuất khẩu, nhập khẩu di chuyển trong khu vực kiểm soát hải quan không đủ giấy tờ hợp pháp;

b) Phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh Việt Nam không đi đúng tuyến đường, cửa khẩu đã cho phép.

5. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với một trong các vi phạm sau đây:

a) Tìm cách tẩu tán hoặc vứt bỏ hàng hóa, vật phẩm để trốn tránh sự kiểm tra, kiểm soát hải quan mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự;

b) Ngăn cản việc bắt giữ, vận chuyển hoặc đánh tráo, tẩu tán tang vật vi phạm hành chính về hải quan đã bị phát hiện, bắt giữ mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự.

6. Ngoài việc phạt tiền, còn bị phạt bổ sung hoặc áp dụng các biện pháp hành chính khác đối với một trong các vi phạm sau đây:

a) Buộc phải rời ngay phương tiện vận tải nếu vi phạm điểm a Khoản 1 hoặc điểm c Khoản 2 Điều này;

b) Buộc phải dừng phương tiện vận tải để Hải quan kiểm tra; buộc phải thực hiện yêu cầu kiểm tra của Hải quan nếu vi phạm điểm b Khoản 1 và điểm b, c Khoản 3 Điều này;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hoặc thu hồi giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh trong vòng 30 ngày, nếu tái phạm hoặc vi phạm nhiều lần những vi phạm quy định tại điểm a, b Khoản 5, điểm a, b Khoản 4 Điều này.

Điều 12.- Vi phạm quy định về kiểm tra hải quan:

1. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với hành vi sửa đổi tên người nhận hàng trong vận đơn hàng hóa, vật phẩm hoặc trong lược khai hàng hóa, khi phương tiện vận tải đã hoàn thành thủ tục nhập cảnh.

2. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các vi phạm sau đây:

a) Sửa đổi lược khai về số lượng, trọng lượng, tên hàng hóa, vật phẩm khi phương tiện vận tải đã hoàn thành thủ tục nhập cảnh;

b) Từ chối hoặc trì hoãn việc xuất trình các giấy tờ liên quan đến việc xác định tính hợp pháp của hàng hóa, vật phẩm xuất khẩu, nhập khẩu và phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh.

3. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các vi phạm sau đây:

a) Tự ý chuyển nhượng không đúng quy định đối với hàng hóa, vật phẩm tạm nhập, tái xuất của đối tượng được hưởng ưu đãi thuế quan;

b) Tự ý sử dụng hàng hóa, vật phẩm được giao cho chủ hàng quản lý chờ làm thủ tục hải quan;

c) Không đưa đến đúng địa điểm quy định để làm thủ tục hải quan đối với hàng hóa chuyển tiếp;

d) Chứa chấp, mua bán hàng hóa, vật phẩm có nguồn gốc nhập khẩu trái phép;

e) Chứa chấp, mua bán hàng hóa, vật phẩm xuất khẩu, nhập khẩu trong khu vực kiểm soát hải quan trái với quy định của pháp luật;

g) Tự ý thay đổi bao bì hàng hóa, vật phẩm đã kiểm tra hải quan;

h) Đánh tráo hàng hóa, vật phẩm đã kiểm tra hải quan với hàng hóa, vật phẩm chưa kiểm tra hải quan.

4. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa không đúng chất lượng ghi trong hợp đồng thương mại, gây thiệt hại đến lợi ích kinh tế khi có kết luận giám định của cơ quan có thẩm quyền.

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

5. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các vi phạm sau đây:

a) Khai báo sai với hợp đồng thương mại về số lượng, trọng lượng, chất lượng, tên hàng, chủng loại, ký mã hiệu, trị giá, xuất xứ hàng hóa hoặc xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa, vật phẩm không đúng nội dung giấy phép;

b) Thay đổi hình thức, kết cấu máy móc, phương tiện vận tải và hàng hóa khác để hợp thức hóa việc xuất khẩu, nhập khẩu.

6. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với một trong các vi phạm sau đây:

a) Xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa, vật phẩm trái quy định về ưu đãi miễn trừ hải quan;

b) Xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa, vật phẩm trái quy định của Nhà nước về viện trợ nhân đạo;

c) Xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa ngoài hợp đồng, lược khai hoặc vận tải đơn;

d) Xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa hạn chế xuất khẩu, nhập khẩu hoặc hàng cấm nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự;

e) Xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa, vật phẩm không có giấy phép hoặc không đúng nội dung giấy phép theo quy định của pháp luật;

g) Trao đổi hàng hóa, vật phẩm trái phép tại vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

h) Xếp dỡ, chuyển tải, sang mạn, cắt toa, tiêu thụ hàng hóa, vật phẩm xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh đang chịu sự kiểm tra, giám sát hải quan;

i) Không khai báo hải quan;

k) Chuyển nhượng giấy phép hoặc văn bản thay thế giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa;

m) Tự ý tẩy xóa, thêm bớt, giả mạo giấy tờ thuộc hồ sơ hải quan để xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa, mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự.

Đối với vi phạm ghi tại điểm d, e, k Khoản 6 của Điều này là vi phạm thuộc thẩm quyền xử lý của nhiều cơ quan quản lý chuyên ngành, cơ quan nào phát hiện và thụ lý đầu tiên thì cơ quan đó xử phạt.

7. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với một trong các vi phạm sau đây mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự:

a) Xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa, vật phẩm gây hại cho sức khỏe con người;

b) Xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa, vật phẩm gây ô nhiễm môi trường sống, lây lan dịch bệnh.

8. Ngoài việc phạt tiền còn bị tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm; tước quyền sử dụng giấy phép hoặc tạm đình chỉ làm thủ tục xuất khẩu; tiêu hủy tang vật, phương tiện vi phạm hoặc buộc tái xuất đối với một trong các vi phạm sau:

a) Tịch thu hàng hóa, vật phẩm nếu vi phạm quy định tại điểm b, d, e, h Khoản 3, Khoản 6, Khoản 7 Điều này;

b) Tước quyền sử dụng giấy phép từ 30 ngày đến 90 ngày đối với một trong các vi phạm:

- Vi phạm quy định tại điểm c Khoản 3 Điều này, nếu tái phạm hoặc vi phạm nhiều lần;

- Vi phạm quy định tại điểm a, b Khoản 5 Điều này, nếu tái phạm hoặc vi phạm nhiều lần;

- Vi phạm quy định tại điểm k, m Khoản 6 Điều này;

c) Tạm đình chỉ làm thủ tục xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh đối với một trong các vi phạm:

- Vi phạm quy định tại điểm b, Khoản 2, Khoản 6 Điều này, nếu tái phạm hoặc vi phạm nhiều lần;

- Vi phạm quy định tại điểm k, m Khoản 6 Điều này;

d) Buộc tái xuất khỏi Việt Nam trong vòng 60 ngày, nếu vi phạm điểm e Khoản 6 Điều này mà hàng hóa nhập khẩu là thiết bị, dây chuyền sản xuất để góp vốn đầu tư, đã sử dụng hoặc công nghệ lạc hậu;

e) Buộc tái xuất khỏi Việt Nam trong vòng 7 ngày hoặc tiêu hủy tang vật, phương tiện vi phạm, nếu vi phạm quy định tại Khoản 7 Điều này.

9. Vi phạm quy định tại điểm a, b Khoản 5 Điều này có thể bị phạt theo Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu.

10. Hàng hóa, vật phẩm đưa vào Việt Nam quá thời hạn giao hàng theo hợp đồng thương mại, mà người nhận hàng từ chối nhận hàng thì áp dụng mức phạt theo quy định tại Khoản 5 Điều này và buộc phải đưa hàng ra khỏi Việt Nam trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận được quyết định xử phạt.

11. Hàng hóa, vật phẩm gửi kho ngoại quan nhưng đưa vào Việt Nam trước khi ký hợp đồng thuê kho ngoại quan thì áp dụng mức phạt theo quy định tại điểm e Khoản 6 Điều này.

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

Điều 13.- Vi phạm quy định về xuất khẩu, nhập khẩu ngoại hối nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự.

1. Phạt tiền từ 500.000 đồng tới 2.000.000 đồng đối với cá nhân, tổ chức nhập khẩu ngoại hối không khai báo Hải quan theo quy định của pháp luật.

2. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng nếu tái phạm hoặc vi phạm nhiều lần Khoản 1 của Điều này.

3. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với hành vi khai không ngoại hối nhập khẩu.

4. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi khai không ngoại hối nhập khẩu, có trị giá tương dương 100.000.000 đồng trở lên.

5. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng đối với cá nhân, tổ chức xuất khẩu ngoại hối không khai báo Hải quan theo quy định của pháp luật.

6. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng, tịch thu từ 10% đến 20% số ngoại tệ xuất khẩu không khai báo Hải quan theo quy định của pháp luật, nếu tái phạm hoặc vi phạm nhiều lần Khoản 5 của Điều này.

7. Xuất khẩu, nhập khẩu ngoại hối trái phép mà cố tình giấu diếm thì ngoài việc bị phạt tiền theo quy định tại Khoản 1, 2, 5, 6 Điều này, còn bị tịch thu tang vật vi phạm sung vào công quỹ.

Điều 14.- Vi phạm quy định về xuất khẩu, nhập khẩu tiền Việt Nam:

1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 50.000 đồng đến 200.000 đồng khi xuất khẩu, nhập khẩu tiền Việt Nam không khai báo Hải quan.

2. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 2.000.000 đồng khi xuất khẩu, nhập khẩu tiền Việt Nam không có giấy phép của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam với số lượng từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.

3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với một trong các vi phạm sau đây:

a) Nhập khẩu tiền Việt Nam không có nguồn gốc rõ ràng với số lượng trên 50.000.000 đồng;

b) Xuất khẩu, nhập khẩu tiền Việt Nam sử dụng để thanh toán trái quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

4. Vi phạm quy định tại các Khoản 1, 2, 3 Điều này, ngoài việc phạt tiền còn bị phạt bổ sung hoặc buộc thực hiện các biện pháp sau đây:

a) Đình chỉ xuất khẩu;

b) Tịch thu số tiền là tang vật vi phạm nếu cố tình giấu diếm sự kiểm tra hải quan.

Điều 15.- Xúc phạm, đe dọa nhân viên Hải quan đang thi hành công vụ:

Phạt tiền từ 200.000 đồng đến 500.000 đồng đối với các hành vi xúc phạm danh dự hoặc đe dọa nhân viên Hải quan đang thi hành công vụ mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự.

Chương III

THẨM QUYỀN XỬ PHẠT

Điều 16.-

1. Đội trưởng các đội công tác nghiệp vụ có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 200.000 đồng.

2. Trưởng Hải quan cửa khẩu, Đội trưởng Đội Kiểm soát thuộc Cục Hải quan tỉnh, thành phố; Đội trưởng Đội Kiểm soát thuộc Cục Điều tra chống buôn lậu Tổng cục Hải quan có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 2.000.000 đồng;

c) Tịch thu tang vật và phương tiện sử dụng để vi phạm hành chính có giá trị đến 20.000.000 đồng.

3. Cục trưởng Cục Hải quan tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 20.000.000 đồng;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện sử dụng để vi phạm hành chính và tiêu hủy vật phẩm gây hại cho sức khỏe con người, văn hóa phẩm độc hại;

d) Tước quyền sử dụng hoặc thu hồi giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu theo quy định tại Nghị định này.

Điều 17.-

1. Đối với hành vi có mức phạt tiền trên 20.000.000 đồng, Cục trưởng Cục Hải quan tỉnh, thành phố chuyển hồ sơ kèm theo tang vật đến Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương để Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố quyết định xử phạt, đồng thời báo cáo Tổng Cục trưởng Tổng cục Hải quan.

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

2. Mọi hành vi vi phạm pháp luật về hải quan xảy ra trên đất liền, vùng lãnh hải, thềm lục địa, vùng đặc quyền kinh tế của Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thuộc địa bàn quản lý của hải quan nơi nào thì hải quan ở đó có trách nhiệm xử phạt theo thẩm quyền được quy định tại Nghị định này.

3. Ở những địa điểm dọc biên giới quốc gia, nơi chưa có tổ chức Hải quan thì Thủ trưởng đơn vị Bộ đội Biên phòng đóng tại địa điểm đó được quyền xử phạt vi phạm hành chính về hải quan theo quy định tại Điều 8 Nghị định này.

4. Cơ quan Cảnh sát kinh tế, Quản lý thị trường khi phát hiện hàng hóa, vật phẩm có nguồn gốc nhập khẩu trái phép, hàng hóa quá cảnh, tạm nhập, tái xuất tiêu thụ trái phép trên thị trường Việt Nam, thì xử phạt theo quy định tại điểm a, b, d, e Khoản 3 Điều 12 Nghị định này.

Chương IV

CÁC BIỆN PHÁP NGĂN CHẶN VI PHẠM HÀNH CHÍNH VÀ ĐẢM BẢO VIỆC XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH

Điều 18.- Tạm giữ người theo thủ tục hành chính:

1. Việc tạm giữ người theo thủ tục hành chính được áp dụng trong trường hợp cần thu thập, xác minh những tình tiết quan trọng làm căn cứ để ra quyết định xử phạt hành chính hoặc ngăn chặn, đình chỉ ngay những hành vi cản trở việc kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan.

2. Thời hạn giữ người vi phạm hành chính không được quá 12 giờ. Trong trường hợp cần thiết, thời hạn tạm giữ có thể kéo dài hơn nhưng không được quá 24 giờ. Ở những vùng rừng núi hẻo lánh, hải đảo nơi xa cửa khẩu, thời hạn tạm giữ có thể kéo dài hơn, nhưng không quá 48 giờ.

3. Mọi trường hợp tạm giữ người đều phải có quyết định bằng văn bản và phải giao cho người bị tạm giữ một bản.

4. Không được giữ người vi phạm hành chính trong các nhà tạm giữ, phòng tạm giam hình sự hoặc những nơi không đảm bảo vệ sinh, an toàn cho người bị tạm giữ.

5. Theo yêu cầu của người bị tạm giữ, phải thông báo cho người thân trong gia đình, cơ quan, nơi làm việc hoặc học tập của họ biết. Khi tạm giữ người chưa thành niên trên 6 giờ thì nhất thiết phải báo cho cha mẹ hoặc người giám hộ của họ biết.

Điều 19.- Thẩm quyền tạm giữ người theo thủ tục hành chính:

Những người sau đây có quyền ra quyết định tạm giữ người theo thủ tục hành chính:

1. Trưởng Hải quan cửa khẩu, Đội trưởng Đội Kiểm soát thuộc Cục Hải quan tỉnh, thành phố; Đội trưởng Đội Kiểm soát thuộc Cục Điều tra chống buôn lậu Tổng cục Hải quan;

2. Cục trưởng Cục Hải quan tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

3. Cục trưởng Cục Điều tra chống buôn lậu thuộc Tổng cục Hải quan.

Trong trường hợp những người quy định tại các Khoản 1, 2, 3 của Điều này vắng mặt thì cấp Phó của họ được quyền quyết định tạm giữ người theo thủ tục hành chính.

Điều 20.- Tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính:

1. Việc tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm chỉ được áp dụng trong trường hợp cần ngăn chặn ngay vi phạm hành chính hoặc để xác minh tình tiết làm căn cứ quyết định xử lý.

Những người quy định tại Điều 19 của Nghị định này có quyền quyết định tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính.

2. Trong trường hợp cần thiết, những người có thẩm quyền xử phạt hành chính quy định tại Khoản 1 Điều 16 của Nghị định này được quyền ra quyết định tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính. Trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi ra quyết định, người ra quyết định phải báo cáo Thủ trưởng trực tiếp của mình được quy định tại Điều 19 của Nghị định này và phải được sự đồng ý bằng văn bản của người đó.

3. Người ra quyết định tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có trách nhiệm tổ chức bảo quản tang vật, phương tiện đó; nếu do lỗi của người này mà tang vật, phương tiện bị mất, đánh tráo hoặc hư hỏng thì ngoài trách nhiệm bồi thường, còn bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp tang vật, phương tiện vi phạm cần được niêm phong thì phải tiến hành niêm phong với sự có mặt của người vi phạm hoặc đại diện của họ hoặc chính quyền địa phương và người chứng kiến.

4. Đối với tiền Việt Nam, ngoại hối, các chất ma túy và những đồ vật thuộc chế độ quản lý đặc biệt khác, việc bảo quản được thực hiện theo quy định của pháp luật.

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

Đối với tang vật vi phạm hành chính là loại hàng hóa, vật phẩm dễ bị hư hỏng thì người ra quyết định tạm giữ phải lập biên bản riêng và có thể lập hội đồng tổ chức bán các tang vật đó theo quy định hiện hành, tiền thu được nộp vào Kho bạc Nhà nước.

5. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tạm giữ, người có thẩm quyền quyết định tạm giữ và xử phạt phải xử lý tang vật, phương tiện bị tạm giữ theo những biện pháp ghi trong quyết định xử phạt. Nếu không áp dụng hình thức phạt tịch thu thì trả lại tang vật hoặc tiền đã tổ chức bán tang vật trong thời gian tạm giữ cho đương sự.

Thời hạn tạm giữ có thể được kéo dài nhưng không quá 30 ngày đối với các trường hợp vi phạm có nhiều tình tiết phức tạp hoặc có liên quan đến nhiều cá nhân, tổ chức ở trong nước và nước ngoài.

6. Việc tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính phải có quyết định bằng văn bản và phải giao cho người vi phạm, đại diện tổ chức vi phạm một bản.

Điều 21.- Khám người theo thủ tục hành chính:

1. Việc khám người theo thủ tục hành chính chỉ được tiến hành khi có căn cứ để nhận định người đó cất giấu trong người các đồ vật, tài liệu, phương tiện vi phạm hành chính.

2. Chỉ những người có thẩm quyền được quy định tại Điều 15 của Nghị định này mới được quyết định khám người theo thủ tục hành chính.

Nhân viên Hải quan đang thi hành công vụ được phép khám người theo thủ tục hành chính, khi có căn cứ để cho rằng nếu không tiến hành khám người ngay thì đồ vật, tài liệu, phương tiện vi phạm hành chính có thể bị tẩu tán, tiêu hủy. Nhân viên Hải quan phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về quyết định của mình và phải báo cáo ngay cho Thủ trưởng đơn vị.

3. Trước khi tiến hành khám người, người khám phải cho người bị khám xem chứng minh thư Hải quan và thông báo quyết định cho người đó biết. Khi khám người, nam khám nam, nữ khám nữ và phải có người cùng giới chứng kiến.

4. Mọi trường hợp khám người đều phải lập biên bản và phải giao cho người bị khám một bản.

Điều 22.- Khám phương tiện vận tải, đồ vật theo thủ tục hành chính:

1. Việc khám phương tiện vận tải, đồ vật theo thủ tục hành chính được tiến hành khi có căn cứ để nhận định rằng trong phương tiện vận tải, đồ vật đó có cất giấu tang vật vi phạm hành chính.

2. Nhân viên Hải quan đang thi hành công vụ có quyền khám phương tiện vận tải, đồ vật theo thủ tục hành chính.

3. Khi tiến hành khám phương tiện vận tải, đồ vật phải có mặt chủ phương tiện vận tải, đồ vật hoặc người chỉ huy, người điều khiển phương tiện vận tải và một người chứng kiến.

4. Mọi trường hợp khám phương tiện vận tải, đồ vật đều phải lập biên bản và giao cho chủ phương tiện vận tải, đồ vật hoặc người chỉ huy, người điều khiển phương tiện vận tải một bản.

5. Các trường hợp khám phương tiện vận tải là tầu biển, máy bay, tầu hỏa của Việt Nam và nước ngoài vận chuyển trên các tuyến đường quốc tế, phải có quyết định của Trưởng Hải quan cửa khẩu hoặc cấp tương đương trở lên.

Việc khám phương tiện vận tải, đồ vật của các đối tượng được hưởng quyền ưu đãi miễn trừ ngoại giao phải tuân theo các quy định của Điều ước quốc tế mà Việt Nam đã ký kết hoặc tham gia. Trong trường hợp có cơ sở để khẳng định phương tiện vận tải, đồ vật của các đối tượng trên có chứa đựng hàng hóa thuộc danh mục mà Chính phủ Việt Nam cấm nhập khẩu, cấm xuất khẩu thì phải có quyết định của Tổng Cục trưởng Tổng cục Hải quan.

Chương V

THỦ TỤC XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH

Điều 23.- Thủ tục đơn giản:

Khi xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức cảnh cáo hoặc phạt tiền đến 20.000 đồng thì người có thẩm quyền xử phạt phải ra quyết định xử phạt tại chỗ.

Quyết định xử phạt phải giao cho cá nhân, tổ chức bị xử phạt và nơi thu tiền xử phạt.

Điều 24.- Lập biên bản vi phạm hành chính:

- Khi vi phạm hành chính không thuộc trường hợp xử phạt theo quy định tại Điều 23 Nghị định này thì phải kịp thời lập biên bản và trao cho cá nhân, tổ chức vi phạm một bản; nếu người lập biên bản không đủ thẩm quyền xử phạt thì biên bản và các hồ sơ liên quan phải được gửi kịp thời đến cấp có thẩm quyền.

- Hình thức, nội dung, trình tự lập biên bản thực hiện theo quy định tại Khoản 2, Khoản 3 Điều 47 Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính.

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

Điều 25.- Quyết định xử phạt:

1. Khi cá nhân hoặc tổ chức vi phạm nhiều hành vi quy định trong Nghị định này thì người có thẩm quyền xử phạt phải xác định mức phạt đối với từng hành vi vi phạm, sau đó cộng các mức phạt lại thành mức phạt chung của vụ vi phạm. Nếu trong các hành vi đó có một hành vi có mức phạt tiền vượt thẩm quyền thì phải chuyển toàn bộ hồ sơ vụ vi phạm đến cấp có thẩm quyền để quyết định.

2. Quyết định xử phạt có hiệu lực kể từ ngày ký, trừ trường hợp trong quyết định quy định ngày có hiệu lực khác.

3. Quyết định xử phạt phải gửi cho cá nhân, tổ chức bị xử phạt và nơi thu tiền phạt trong thời hạn 3 ngày, kể từ ngày ra quyết định.

4. Quyết định phạt tiền từ 2.000.000 đồng trở lên và quyết định tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm có trị giá 5.000.000 đồng trở lên phải gửi cho Viện Kiểm sát Nhân dân cùng cấp.

Hình thức và nội dung quyết định xử phạt thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 48 Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính.

Điều 26.- Xử lý tang vật, phương tiện vi phạm hành chính:

1. Tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu đối với các vụ vi phạm xảy ra tại địa phương nào thì Cục Hải quan chuyển giao cho Sở Tài chính vật giá tại địa phương đó. Đối với những tang vật, phương tiện bị tịch thu tại những cửa khẩu biên giới xa xôi, đường vận chuyển khó khăn hoặc là loại hàng hóa mau hỏng, khó bảo quản thì người có thẩm quyền xử phạt chuyển giao cho cơ quan Tài chính cấp huyện tại địa bàn đó.

Tiền thu được từ bán tang vật, phương tiện vi phạm nộp vào Kho bạc Nhà nước sau khi trừ các khoản chi phí lưu kho, bốc dỡ, bảo quản, vận chuyển, giám định, xác minh, xử lý đối với từng trường hợp vi phạm.

2. Việc giải quyết tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu là văn hóa phẩm độc hại, hàng giả không có giá trị sử dụng, vật phẩm gây hại cho sức khỏe, tính mạng con người và môi trường sống; hàng hóa, vật phẩm dễ bị hư hỏng thì thực hiện theo quy định tại Khoản 2, Khoản 3 Điều 52 Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính.

Điều 27.- Xử lý đối với trường hợp hàng hóa, vật phẩm nhập khẩu quá thời hạn làm thủ tục hải quan hoặc buộc phải đưa ra khỏi Việt Nam hay tái xuất:

1. Hàng hóa, vật phẩm nhập khẩu quá thời hạn 60 ngày kể từ sau thời hạn cuối cùng phải làm thủ tục hải quan theo quy định của pháp luật hoặc quá 30 ngày, kể từ ngày cơ quan Hải quan thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng mà không có người đến làm thủ tục hải quan thì làm thủ tục sung công quỹ Nhà nước.

2. Mọi trường hợp hàng hóa theo quy định phải tái xuất hoặc buộc phải đưa ra khỏi Việt Nam, nếu quá thời hạn quy định trong quyết định xử phạt mà đương sự không thực hiện sẽ bị sung công quỹ.

Điều 28.- Xử lý đối với hàng hóa, vật phẩm vô chủ, tang vật vi phạm là đối tượng chịu thuế:

1. Đối với hàng hóa là tang vật vi phạm phát hiện được qua kham xét mà không có người nhận, hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu trôi dạt, vứt bỏ và những trường hợp khác không xác định được chủ sở hữu, người có thẩm quyền xử phạt quyết định thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng và niêm yết công khai, nếu không có người đến nhận thì người có thẩm quyền xử phạt chuyển giao cho cơ quan Tài chính theo quy định tại Điều 26 Nghị định này.

2. Hàng hóa nhập khẩu không đúng giấy phép, hợp đồng, vận tải đơn hoặc lược khai hàng hóa mà người nhận hàng từ chối nhận, thì xử lý theo quy định tại Khoản 1 Điều này.

3. Hàng hóa là tang vật vi phạm bị xử phạt nếu thuộc đối tượng chịu thuế thì ngoài việc phạt tiền, cá nhân, tổ chức vi phạm còn buộc phải nộp đủ thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và tiền phạt chậm nộp thuế theo quy định của pháp luật.

Điều 29.- Thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính:

1. Cá nhân, tổ chức bị xử phạt vi phạm hành chính phải thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong thời hạn 5 ngày kể từ ngày nhận được quyết định xử phạt.

2. Cá nhân, tổ chức khi đã nhận quyết định xử phạt vi phạm hành chính nhưng cố tình không chấp hành thì bị cưỡng chế chấp hành.

Điều 30.- Biện pháp cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt:

1. Việc cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt hành chính, thực hiện theo các biện pháp sau đây:

a) Khấu trừ tiền lương, thu nhập; khấu trừ tiền từ tài khoản Ngân hàng;

b) Kê biên và thu giữ tài sản có trị giá tương ứng với số tiền phạt;

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

c) Tạm đình chỉ làm thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu và phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh cho tới khi thi hành xong quyết định xử phạt.

2. Cấp có thẩm quyền xử phạt vi phạm, đồng thời là cấp ra quyết định cưỡng chế và tổ chức việc cưỡng chế.

3. Các đơn vị quản lý, kinh doanh có cá nhân, tổ chức bị cưỡng chế chấp hành quyết định xử phạt, khi Hải quan yêu cầu thì các đơn vị này có trách nhiệm thực hiện quy định tại điểm a, Khoản 1 của Điều này.

Các cơ quan Tài chính, Ngân hàng, Lực lượng Cảnh sát nhân dân, Bộ đội Biên phòng và chính quyền địa phương các cấp có trách nhiệm phối hợp để thực hiện quyết định cưỡng chế của Hải quan.

4. Cá nhân, tổ chức bị cưỡng chế phải chịu mọi chi phí về việc tổ chức thực hiện các biện pháp cưỡng chế.

Chương VI

GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI

Điều 31.- Khiếu nại việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn vi phạm hành chính:

1. Cá nhân, tổ chức bị áp dụng biện pháp ngăn chặn vi phạm hành chính quy định tại các Điều 18, 19, 20, 21, 22 của Nghị định này thì cá nhân, tổ chức hoặc người đại diện hợp pháp của họ được quyền khiếu nại lên cấp trên trực tiếp của người đã ra quyết định áp dụng các biện pháp này.

2. Người có thẩm quyền khi nhận được khiếu nại có trách nhiệm trả lời bằng văn bản cho người khiếu nại trong thời hạn 5 ngày, kể từ ngày nhận được khiếu nại.

Điều 32.- Khiếu nại quyết định xử phạt vi phạm hành chính:

1. Cá nhân, tổ chức bị xử phạt vi phạm hành chính hoặc người đại diện hợp pháp của họ có quyền khiếu nại với người ra quyết định xử phạt trong thời gian 10 ngày kể từ ngày nhận được quyết định.

2. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được khiếu nại, người ra quyết định xử phạt có trách nhiệm giải quyết và trả lời bằng văn bản cho người khiếu nại.

Trường hợp không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại đó thì người khiếu nại có quyền khiếu nại lên cấp trên trực tiếp của người ra quyết định xử phạt trong thời hạn 3 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định giải quyết khiếu nại.

Trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày nhận được khiếu nại, Thủ trưởng cơ quan cấp trên trực tiếp của người đã ra quyết định xử phạt có trách nhiệm giải quyết và trả lời bằng văn bản cho người khiếu nại. Quyết định giải quyết khiếu nại đó là quyết định cuối cùng.

3. Khiếu nại đối với quyết định xử phạt của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân cấp tỉnh hoặc thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là cấp tỉnh) được gửi cho chính người đã ra quyết định xử phạt để giải quyết. Nếu người khiếu nại không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân cấp tỉnh thì có quyền gửi khiếu nại đến Tổng Cục trưởng Tổng cục Hải quan để xem xét.

Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được khiếu nại, Tổng Cục trưởng Tổng cục Hải quan có trách nhiệm xem xét, kết luận, trả lời bằng văn bản cho người khiếu nại đồng thời thông báo kết luận của mình cho Chủ tịch Ủy ban Nhân dân cấp tỉnh. Trong trường hợp kết luận đó khác với quyết định của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân cấp tỉnh, thì trong thời hạn 7 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản kết luận, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân cấp tỉnh phải xem xét, nếu nhất trí với kết luận của Tổng Cục trưởng Tổng cục Hải quan thì Chủ tịch Ủy ban Nhân dân cấp tỉnh thay đổi quyết định xử phạt. Quyết định này là quyết định cuối cùng.

Trong trường hợp Chủ tịch Ủy ban Nhân dân cấp tỉnh không đồng ý với kết luận của Tổng Cục trưởng Tổng cục Hải quan, thì Chủ tịch Ủy ban Nhân dân cấp tỉnh khiếu nại lên Tổng Thanh tra Nhà nước. Trong thời hạn 45 ngày, kể từ ngày nhận được khiếu nại, Tổng Thanh tra Nhà nước xem xét và ra quyết định xử lý về khiếu nại. Quyết định của Tổng Thanh tra Nhà nước là quyết định cuối cùng.

4. Việc khiếu nại quyết định xử phạt vi phạm hành chính không làm đình chỉ thi hành quyết định xử phạt.

5. Người giải quyết khiếu nại ra quyết định thay đổi hình thức, mức độ, biện pháp xử phạt, hủy quyết định xử phạt thì có thể quyết định việc bồi thường, bồi hoàn thiệt hại trực tiếp (nếu có) theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp người khiếu nại không đồng ý về quyết định bồi thường, bồi hoàn thì họ có thể yêu cầu Tòa án giải quyết theo thủ tục tố tụng dân sự.

6. Mọi khiếu nại về quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý Nhà nước về hải quan được áp dụng theo Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính.

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

Điều 33.- Tổ chức, cá nhân có thành tích trong việc cung cấp thông tin, phát hiện, ngăn chặn, xử lý vi phạm hành chính về hải quan được khen thưởng theo chế độ chung của Nhà nước.

Điều 34.- Cán bộ, nhân viên Hải quan có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính theo các quy định tại Nghị định này có hành động sách nhiễu, dung túng, bao che, vụ lợi, không xử phạt hoặc xử phạt không kịp thời, không đúng mức, xử phạt vượt thẩm quyền hoặc thiếu tinh thần trách nhiệm, vi phạm các quy định về nguyên tắc, trình tự, thủ tục xử phạt vi phạm hành chính, thì tùy theo tính chất và mức độ vi phạm phải bị xử lý kỷ luật hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại vật chất cho cá nhân, tổ chức thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 35.-

1. Nghị định này có hiệu lực kể từ ngày 1 tháng 4 năm 1996 và thay thế Nghị định số 232-HĐBT ngày 25-6-1992 của Hội đồng Bộ trưởng về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý Nhà nước về hải quan.

2. Tổng Cục trưởng Tổng cục Hải quan chịu trách nhiệm hướng dẫn thi hành Nghị định này.

3. Bộ trưởng, Thủ trưởng các cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, người đứng đầu các đoàn thể, tổ chức xã hội ở Trung ương, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

T.M. Chính phủ
K.T. Thủ tướng
Phó Thủ tướng
PHAN VĂN KHẢI

NGHỊ ĐỊNH của Chính phủ số 17-CP ngày 23-3-1996 về việc thành lập thị trấn huyện lỵ thuộc các huyện Ân Thi, Thanh Miện, tỉnh Hải Hưng.

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Xét đề nghị của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Hải Hưng và Bộ trưởng, Trưởng ban Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ,

NGHỊ ĐỊNH:

Điều 1.- Nay thành lập thị trấn huyện lỵ của các huyện Ân Thi, Thanh Miện thuộc tỉnh Hải Hưng như sau:

1. Thành lập thị trấn Ân Thi, thị trấn huyện lỵ của huyện Ân Thi trên cơ sở: xã Thổ Hoàng và 4,43 hécta diện tích tự nhiên với 250 nhân khẩu của xã Đặng Lễ; 4,76 hécta diện tích tự nhiên với 520 nhân khẩu của xã Hoàng Hoa Thám; 4,45 hécta diện tích tự nhiên với 230 nhân khẩu của xã Quảng Lãng.

Thị trấn Ân Thi có diện tích tự nhiên 737,04 hécta với 7.955 nhân khẩu.

Địa giới thị trấn Ân Thi: phía Đông giáp xã Hoàng Hoa Thám và xã Nguyễn Trãi; phía Tây giáp xã Xuân Trúc và xã Quảng Lãng; phía Nam giáp xã Cẩm Ninh và xã Đặng Lễ; phía Bắc giáp xã Vân Du và xã Quang Vinh.

Sau khi điều chỉnh địa giới hành chính:

- Xã Đặng Lễ còn lại 588,99 hécta diện tích tự nhiên với 4.983 nhân khẩu.

- Xã Hoàng Hoa Thám còn lại 580,30 hécta diện tích tự nhiên với 5.582 nhân khẩu.

- Xã Quảng Lãng còn lại 654,12 hécta diện tích tự nhiên với 6.510 nhân khẩu.

2. Thành lập thị trấn Thanh Miện, thị trấn huyện lỵ của huyện Thanh Miện trên cơ sở toàn bộ diện tích và dân số của xã Lê Bình cùng huyện.

Thị trấn Thanh Miện có 660,11 hécta diện tích tự nhiên với 9.564 nhân khẩu.

Địa giới thị trấn Thanh Miện: phía Đông giáp xã Quang Minh (huyện Gia Lộc) và xã Hùng Sơn; phía Tây giáp xã Lê Hồng; phía Nam giáp xã Tứ Cường và xã Ngũ Hùng; phía Bắc giáp xã Nam Sơn và xã Nhật Tân (huyện Gia Lộc).

Điều 2.- Nghị định này có hiệu lực kể từ ngày ban hành. Mọi quy định trước đây trái với Nghị định này đều bãi bỏ.

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com